

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT LỌC-HÓA DẦU

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT HÓA HỌC

1. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

- Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là toán cao cấp, tiếng Anh và Hóa lý kỹ thuật.

- Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau:

1.1. Về văn bằng: người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau:

QUY ƯỚC MÃ NHÓM ĐỐI TƯỢNG HỌC VIÊN

		Ngành học đại học	Chương trình đại học*		
			5 năm- 155 TC	4,5 năm- 141 TC	4 năm- 128 TC
Đối tượng dự thi định hướng nghiên cứu	Ngành đúng	Kỹ thuật/Công nghệ Hóa học	A1.1	A1.2	A1.3
	Ngành phù hợp	Hoá học, Kỹ thuật/Công nghệ môi trường, Kỹ thuật/Công nghệ Sinh học/Thực phẩm	B1.1	B1.2	B1.3
	Ngành gần	Kỹ thuật/Công nghệ Vật liệu	C1.1	C1.2	C1.3
Đối tượng dự thi định hướng ứng dụng	Ngành đúng	Kỹ thuật/Công nghệ Hóa học	A2.1	A2.2	A2.3
	Ngành phù hợp	Hoá học, Kỹ thuật/Công nghệ môi trường, Kỹ thuật/Công nghệ Sinh học/Thực phẩm	B2.1	B2.2	B2.3
	Ngành gần	Kỹ thuật/Công nghệ Vật liệu	C2.1	C2.2	C2.3

* Phải thỏa mãn cả 2 yêu cầu về thời gian và số tín chỉ

Các đối tượng khác do Viện Kỹ thuật Hóa học xét duyệt hồ sơ quyết định.

1.2. Về thâm niên công tác: không yêu cầu có thâm niên công tác.

2. Thời gian đào tạo

- Khóa đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A1.1, A1.2, A2.1, và A2.2 là 1 năm (2 học kỳ chính).

- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng B1.1, B1.2, B2.1 và B2.2 là 1,5 năm (3 học kỳ chính).
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng còn lại là 2 năm (4 học kỳ chính).
- Trường hợp đặc biệt do Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện KTHH xét duyệt.

2. Bổ sung kiến thức

Danh mục các học phần bổ sung trong bảng 1 và danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể trong bảng 2.

Bảng 1: Danh mục học phần bổ sung

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Quá trình và thiết bị CNHH	CH3403	4(4-1-0-8)	
2	Phương pháp số trong CNHH	CH3454	2(2-0-1-4)	
3	Mô phỏng trong CNHH	CH3452	3(2-0-2-6)	

Bảng 2: Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Đối tượng	Số TC bổ sung	Các HP bổ sung cụ thể (thuộc bảng 1)*	Ghi chú
1	A1.1, A2.1	0		
2	Các đối tượng còn lại	Tối đa 9	1, 2, 3	Do Hội đồng KH&ĐT Viện KTHH quyết định

* Viện chuyên ngành xét duyệt hồ sơ quyết định các học phần bổ sung.

3. Miễn học phần

Danh mục các học phần xét miễn trong bảng 3 và danh mục các đối tượng được xét miễn học phần cụ thể trong bảng 4.

Bảng 3: Danh mục học phần xét miễn học (theo từng định hướng)

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1.	Nhiên liệu sạch	CH5200	2(2-1-0-4)	
2.	Công nghệ tổng hợp các hợp chất trung gian	CH5201	2(2-1-0-4)	
3.	Nhiên liệu rắn	CH5202	2(2-1-0-4)	
4.	Hoá học và sản phẩm dầu	CH5203	2(2-1-0-4)	
5.	Công nghệ chế biến dầu và khí	CH5204	2(2-1-0-4)	
6.	Thí nghiệm chuyên ngành	CH5205	3(0-0-6-6)	
7.	Đồ án chuyên ngành kỹ sư Hoá dầu	CH5206	2(0-0-4-4)	
8.	Phụ gia sản phẩm dầu mỏ	CH4031	2(2-1-0-4)	
9.	Thiết bị nhà máy lọc dầu	CH4046	2(2-1-0-4)	

10.	Đường ống bể chứa	CH4011	2(2-1-0-4)	
11.	Hoá học, hoá lý polymer	CH4009	2(2-1-0-4)	

Bảng 4: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Đối tượng	Số TC được miễn	Các HP được miễn cụ thể (thuộc bảng 3)	Ghi chú
1	A1.1, A2.1	Tối đa 23	Xét cụ thể theo chuyên sâu của từng học viên	
2	A1.2, A2.2	Tối đa 15	Xét cụ thể theo chuyên sâu của từng học viên	
3	B1.1, B2.1	Tối đa 8	Xét cụ thể theo chuyên sâu của từng học viên	
4	Các đối tượng còn lại	0	Không miễn	

Các đối tượng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học và các đối tượng đặc biệt do Viện Kỹ thuật Hóa học xét duyệt hồ sơ và quyết định.